

MOTOTRBO™ R2

Bộ đàm cầm tay 2 chiều

Một thiết bị bộ đàm bền bỉ cho mọi công việc hằng ngày, MOTOTRBO R2 là sự kết hợp hài hòa giữa cấu trúc bền vững và thiết kế công thái học, mang lại cảm giác yên tâm và dễ dàng trong thao tác. Tầm hoạt động vượt trội, âm thanh tùy chỉnh và khả năng tích hợp mở rộng, R2 xứng đáng là trợ thủ đáng tin cậy cho một ngày làm việc không bị gián đoạn



TÍNH NĂNG CHÍNH

- VHF, 350MHz, UHF
- 64 kênh thoại
- Single-site conventional
- Extended Range Direct Mode
- Dual Capacity Direct Mode
- IP Site Connect
- Capacity Plus single site, sử dụng 2 trạm chuyển tiếp
- Ngắt phát
- Quét ưu tiên kép
- Hệ điều hành Linux bảo mật nâng cao
- Bảo mật nâng cao
- Mã hóa tín hiệu chế độ Analog
- Vô hiệu hóa/Kích hoạt bộ đàm
- Giám sát từ xa
- Thông báo bằng giọng nói
- Tin nhắn văn bản được lập trình sẵn
- Âm lượng lên tới 101 phon
- Công nghệ giảm tiếng ồn SINC+
- Ngăn chặn phản hồi âm thanh
- Hỗ trợ Quick Call II / MDC1200
- Cấu hình âm thanh tùy chọn
- Tự động điều chỉnh độ lợi âm thanh
- Điều chỉnh âm thanh nhận
- Thiết kế gọn gàng, tiện dụng và công thái học
- Tiêu chuẩn quân đội độ bền MIL-STD 810
- Chuẩn IP55 (bảo vệ chống bụi và nước)
- 2 nút nhấn lập trình được
- Nhắc nhở kênh chính
- Quản lý hện giờ

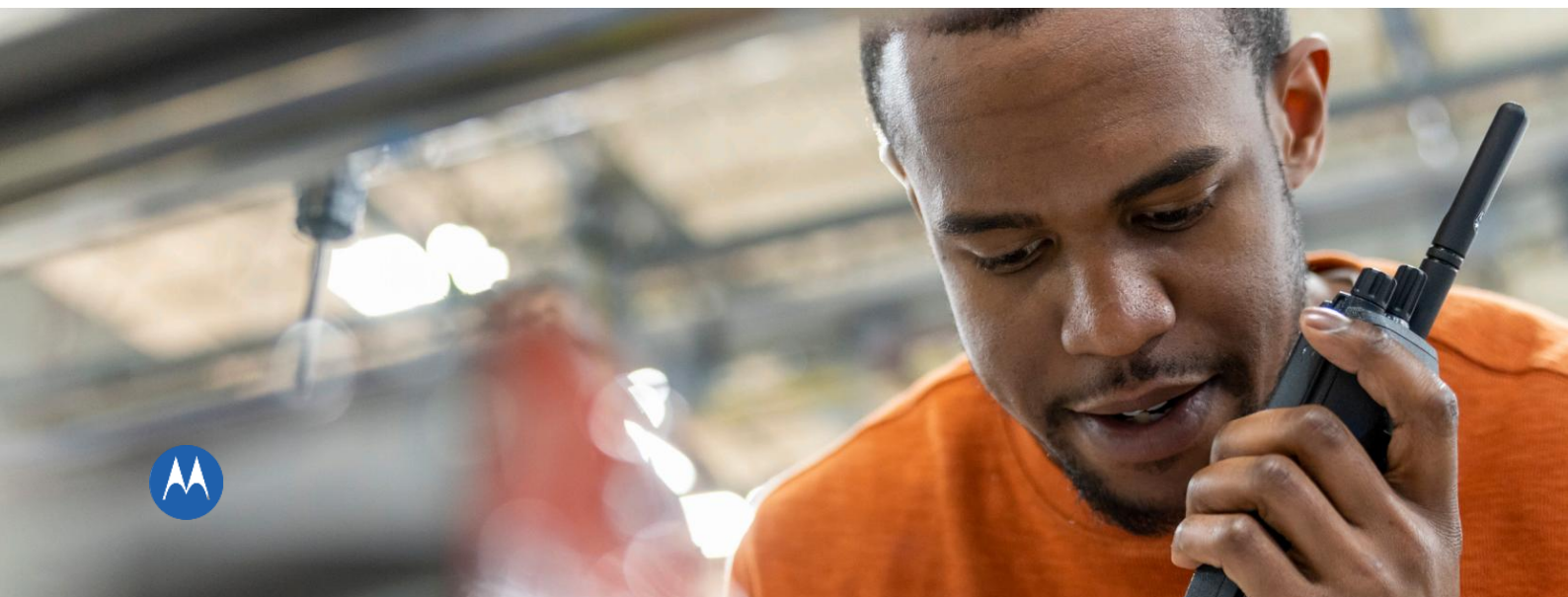
THÔNG SỐ KỸ THUẬT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG				
Tần số	VHF	350 MHz	UHF tần số 1	UHF tần số 2
Dải băng tần	400-470 MHz	136-174 MHz	350-400 MHz	450-527 MHz
Công suất phát RF điển hình				
Công suất cao	5W	4 W		
Công suất thấp	1W	1 W		
Băng thông	12.5 / 20.0 / 25,0 kHz	12.5 / 25.0 kHz	12.5 / 20.0 / 25.0 kHz	
Số kênh	64 kênh			
Điện áp (điển hình)	7.5 V			
MOTOTRBO R2 VỚI DÒNG PIN MỎNG IMPRES LI-ION IP55 DUNG LƯỢNG 2100 MAH (PMNN4600)				
Kích thước ¹ (Cao x Rộng x Sâu)	125 mm x 55 mm x 32 mm		125 mm x 55 mm x 32 mm	
Trọng lượng ²	261 g		261 g	
Tuổi thọ pin ³ (Analog / Digital)	17 Giờ / 22.5 Giờ		17 Giờ / 22.5 Giờ	
MOTOTRBO R2 VỚI DÒNG PIN MỎNG IMPRES LI-ION IP55 DUNG LƯỢNG 2300 MAH (PMNN4598)				
Kích thước ¹ (Cao x Rộng x Sâu)	125 mm x 55 mm x 37 mm		125 mm x 55 mm x 37 mm	
Trọng lượng ²	286 g		286 g	
Tuổi thọ pin ³ (Analog / Digital)	19.5 Giờ / 26.5 Giờ		19.5 Giờ / 26.5 Giờ	

(1) Kích thước gồm bất cài

(2) Không bao gồm ăng-ten

(3) Thời gian sử dụng pin điển hình, chu kỳ vận hành 5/5/90 ở công suất phát tối đa. Thời gian hoạt động thực tế có thể thay đổi.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA MÁY PHÁT		THÔNG SỐ ÂM THANH	
Điều chế số 4FSK	12.5 kHz dữ liệu: 7K60F1D và 7K60FXD 12.5 kHz Âm thanh: 7K60F1E và 7K60FXE Sự kết hợp dữ liệu và âm thanh: 7K60F1W	Mã hóa âm thanh số	AMBE+2
Giao thức kỹ thuật số	ETSI TS 102 361-1; -2; -3 DMR Tier II	Đáp tuyến âm tần	TIA603E
Bức xạ truyền dẫn/ lan tỏa (TIA603A)	< -36 dBm cho < 1 GHz < -30 dBm cho > 1 GHz	Công suất đầu ra âm thanh (định mức / tối đa)	1 W / 3 W
Công suất kênh lân cận	> 60 dB @ 12.5 kHz >70 dB @ 20/25 kHz	Độ méo tiếng	3% (điển hình)
Độ ổn định tần số	± 0,5 ppm	Âm lượng giọng nói tối đa (ISO 532B)	101 phon
Giới hạn điều chế	± 2.5 kHz @ 12.5 kHz ± 4.0 kHz @ 20 kHz ± 5.0 kHz @ 25 kHz	Tạp âm và nhiễu	-45 dB @ 12.5 kHz -45 dB @ 20/25 kHz
THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA BỘ THU		THÔNG SỐ MÔI TRƯỜNG	
Độ nhảy Analog (12 dB SINAD)	0.18 µV	Nhiệt độ vận hành ¹	-30 °C đến 60 °C
Độ nhảy Kỹ thuật số (5% BER)	0.16 µV	Nhiệt độ bảo quản ¹	-40 °C đến 85 °C
Bức xạ truyền dẫn/ lan tỏa (TIA603E)	< -57 dBm	Sốc nhiệt	Theo tiêu chuẩn MIL-STD 810C, D, E, F, G, H
Điều chế giao thoa (TIA603E)	> 70 dB	Độ ẩm	Theo tiêu chuẩn MIL-STD 810C, D, E, F, G, H
Độ chọn lọc kênh lân cận (TIA603A) -1T	> 60 dB @ 12.5 kHz > 70dB @ 25 kHz	Phóng tĩnh điện	IEC 61000-4-2 cấp độ 4
Độ chọn lọc kênh lân cận (TIA603A) -2T	> 55 dB @ 12.5 kHz > 70dB @ 20/25 kHz	Tiêu chuẩn chống bụi, nước	IEC60529 IP55
Khử nhiễu tạp âm(TIA603D)	> 70 dB	Sương muối	Theo tiêu chuẩn MIL-STD 810C/D/E/F/G/H
Độ ổn định tần số	± 0,5 ppm	Tiêu chuẩn động gói	Theo tiêu chuẩn MIL-STD 810C/D/E/F/G/H

CÁC TIÊU CHUẨN QUÂN SỰ												
	MIL-STD 810C		MIL-STD 810D		MIL-STD 810E		MIL-STD 810F		MIL-STD 810G		MIL-STD 810H	
	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH	PHƯƠNG PHÁP	PHƯƠNG PHÁP	QUY TRÌNH
Áp suất thấp	500.1	I	500.2	II	500.3	II	500.4	II	500.5	II	500.6	II
Nhiệt độ cao	501.1	I, II	501.2	I/A1,II/A1	501.3	I/A1,II/A1	501.4	I/Hot, II/Hot	501.5	I/A1, II/A1	501.7	I/A1, II/A1
Nhiệt độ thấp	502.1	I	502.2	I, II	502.3	I, II	502.4	I,II	502.5	I, II	502.7	I, II
Sốc nhiệt	503.1	I	503.2	A1/C3	503.3	A1/C3	503.4	I	503.5	I-C	503.7	I-C
Bức xạ mặt trời	505.1	II	505.2	I/A1	505.3	I/A1	505.4	I/A1	505.5	I/A1	505.7	I/A1
Mưa	506.1	I, II	506.2	I, II	506.3	I, II	506.4	I, III	506.5	I, III	506.6	I, III
Độ ẩm	507.1	II	507.2	II	507.3	II	507.4	-	507.5	II/ Aggravated	507.6	II/ Aggravated
Sương muối	509.1	I	509.2	I	509.3	I	509.4	-	509.5	-	509.7	-
Bụi và cát	510.1	I / -	510.2	I, II	510.3	I, II	510.4	I, II	510.5	I, II	510.7	I, II
Rung	514.2	VIII/CatF, XI	514.3	I/Cat10, II/Cat3	514.4	I/Cat10, III/Cat3	514.5	I/Cat24, II/Cat5	514.6	I/Cat24, II/Cat5	514.8	I/Cat24, II/Cat5
Va đập mạnh	516.2	I, II	516.3	I, IV	516.4	I, IV	516.5	I, IV	516.6	I, IV	516.8	I, IV

TÍNH NĂNG

TỔNG QUAN	R2	AN TOÀN	R2
Analog và Digital	●	Bảo mật nâng cao ⁵	○
Tuân thủ tiêu chuẩn DMR ¹	●	Ngắt phát ⁵	●
64 kênh	●	Giám sát từ xa	●
2 nút nhấn lập trình	●	Vô hiệu hóa / kích hoạt bộ đàm	●
Tin nhắn văn bản được lập trình sẵn ⁵	●	HỆ THỐNG	
Thông báo bằng giọng nói	●	Dual Capacity Direct Mode ⁵	●
Nhắc nhở kênh chính	●	Single-site conventional	●
Gia nhập trễ ¹	●	Extended Range Direct Mode ⁵	●
Quét ưu tiên kép	●	IP Site Connect ⁵	●
Xóa kênh nhiễu	●	Capacity Plus single site, 2 trạm chuyển tiếp ⁵	○
Hệ điều hành Linux bảo mật nâng cao	●	TÍNH NĂNG ANALOG	
TLS-PSK CPS/RM - Xác thực bộ đàm / Repeater	●	Chế độ Lone Worker	●
Quản lý hẹn giờ	●	Cảnh báo khẩn cấp	●
Thoại rảnh tay (VOX)	●	Mã hóa tín hiệu Analog	●
Phụ kiện phong phú	●	Hỗ trợ Quick Call II / MDC1200	●
Tiêu chuẩn bảo vệ chống bụi và nước IP55	●	¹ Kích thước tính tại phần tay cầm. ² Không bao gồm ăng-ten. ³ Tuổi thọ pin thông thường, cấu hình 5/5/90 ở công suất máy phát tối đa. Thời gian chạy thực tế quan sát được có thể thay đổi. ⁴ Nhiệt độ liệt kê Chỉ dành cho bộ đàm. Nhiệt độ hoạt động tối thiểu của pin là -20 °C. ⁵ Tính năng chỉ có trên chế độ kỹ thuật số. ● Đã bao gồm ○ Tùy chọn — Chưa bao gồm	
Tiêu chuẩn độ bền quân sự MIL-STD 810	●		
ÂM THANH			
Triệt tiêu phản hồi âm thanh ⁵	●		
Cấu hình âm thanh tùy chọn	●		
Tăng cường độ rõ của âm 'R'	●		
Công nghệ giảm tiếng ồn SINC+	○		
Tự động điều chỉnh độ lợi	●		
Điều chỉnh âm thanh nhận	○		

Các mẫu này chỉ có sẵn trong khu vực APAC của Motorola Solutions. Sự sẵn có có thể thay đổi và phụ thuộc vào luật pháp và quy định của từng quốc gia. Tất cả các thông số kỹ thuật được hiển thị đều là điển hình trừ khi có quy định khác và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

MOTOROLA, MOTO, MOTOROLA SOLUTIONS và Biểu tượng M Stylized là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Motorola Trademark Holdings, LLC và được sử dụng theo giấy phép. Tất cả các nhãn hiệu khác là tài sản của chủ sở hữu tương ứng. ©2025 Motorola Solutions, Inc. Bảo lưu mọi quyền. 07-2025 [SF03]



MOTOROLA SOLUTIONS

- Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập: motorolasolutions.com/R2 hoặc liên hệ

VIỄN THÔNG THẾ KỶ

NPP & TTDV BH BỘ ĐÀM MOTOROLA TẠI VIỆT NAM



HCM: (84-28) 3862 4466
HN : (84-24) 6282 5919
<https://thekyjsc.vn/>
info@thekyjsc.vn



MOTOROLA SOLUTIONS

Value Added Distributor